

Bản án số: 421/2025/DS-PT
Ngày: 08 - 5 - 2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Thanh

Ông Nguyễn Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoàng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 1078/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2024/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2949/2025/QĐPT ngày 24 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Bà Phan Thị H, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số G đường Q, khóm B, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Có mặt.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị H:* Ông Trần Đức T, Luật sư của Công ty L - Chi nhánh S1. Địa chỉ: Số E đường số G, khu đô thị E, khóm D, phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Có mặt.

2- Bị đơn: Bà Ngô Thị Thúy N, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số B, đường L, khóm A, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Vắng mặt.

* *Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị Thúy N:* Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số B, đường P, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Có mặt.

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị K, sinh năm 1964. Địa chỉ: A P - M. 02125.USA. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị K: Bà Phan Thị H, sinh năm 1957 là nguyên đơn trong vụ án. Địa chỉ: Số G đường Q, khóm B, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Hợp đồng ủy quyền được công chứng ngày 10/9/2024. Có mặt.

4- Người làm chứng: Bà Phan Thị Mỹ H1, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số B đường Đ, khóm B, phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Có mặt.

Do có kháng cáo của bị đơn - bà Ngô Thị Thúy N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo Đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Phan Thị H trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết:*

Ngày 26/8/2005, bà Ngô Thị Thúy N có làm biên nhận vay tiền của bà Phan Thị H nhiều lần, cụ thể là:

- Ngày 03/7/2005: vay 30.000.000đ.
- Ngày 10/7/2005: vay 20.000.000đ.
- Ngày 15/7/2005: vay 200.000.000đ.
- Ngày 26/8/2005: vay 240.000.000đ.

Tổng cộng là 490.000.000đ, lãi suất 5%/tháng. Sau khi vay, bà N đã trả được 40.0000.000đ tiền vốn còn thiếu 450.000.000đ tiền vốn đến nay chưa trả vốn và lãi.

Do bà N không có tiền trả cho bà H. Vì vậy, bà N đồng ý chuyển nhượng phần đất có diện tích 5.889,1m², thuộc thửa đất 121, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại khóm C, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng của bà Ngô Thị S (Yiếp) cho bà H và chồng tên Trần Hồng Q để cầm trừ nợ. Các bên đã làm thủ sang tên giấy tờ đất theo đúng quy định của pháp luật, bà H và ông Q đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 10/5/2007.

Bà Ngô Thị S (Yiếp) đã khởi kiện yêu cầu bà H và ông Q phải trả lại diện tích đất nêu trên. Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng và Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử vụ án nêu trên và buộc bà H và ông Q phải trả lại đất cho bà S nhưng chưa giải quyết buộc bà N trả tiền vốn là 450.000.000đ và tiền lãi cho bà H.

Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Ngô Thị thúy N phải có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị H số tiền vốn là 450.000.000đ và tiền lãi từ ngày 26/8/2005 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 13,5%/năm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Ngô Thị Thúy N phải có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị H số tiền vốn là 450.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 26/8/2005 đến ngày 26/12/2010 theo mức lãi suất 10%/năm, tiền lãi tính từ ngày 27/12/2010 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/10/2024 theo mức lãi suất 13,5%/năm.

** Ông Trần Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - bà Ngô Thị Thúy N, trình bày:*

Bà N không vay tiền của bà H. Vì vậy, bà N không đồng ý trả tiền vốn và lãi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà N thừa nhận có vay của bà Phan Thị K là em ruột của bà Phan Thị H số tiền 490.000.000đ, đã trả được 40.000.000đ còn lại 450.000.000đ chưa trả. Bà N đồng ý trả cho bà K 450.000.000đ và yêu cầu không tính lãi vì đã hết thời hiệu tính lãi theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị K trình bày:*

Số tiền bà Phan Thị H đang kiện đòi bà Ngô Thị Thúy N phải trả là của bà H cho bà N vay, không phải là tiền của bà K cho bà N vay. Vì vậy, số tiền bà H cho bà N thì bà H có quyền kiện đòi.

** Người làm chứng Phan Thị Mỹ H1 trình bày:* Bà không cho bà N vay tiền, số tiền bà N vay theo “Biên nhận” ngày 26/8/2005 là vay của bà H nên bà H có quyền kiện đòi. Bà H1 không cho bà N vay tiền nên bà không có ý kiến gì đối với vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2024/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng quyết định:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H.

2- Buộc bà Ngô Thị Thúy N phải trả cho bà Phan Thị H tổng số tiền là 1.527.657.000đ (*một tỷ, năm trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng*) trong đó tiền vốn vay là 450.000.000đ (*bốn trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi là 1.077.657.000đ (*một tỷ, không trăm bảy mươi bảy triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 23/10/2024, bị đơn - bà Ngô Thị Thúy N kháng cáo bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm

** Bị đơn - bà Ngô Thị Thúy N có người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

- Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng, cụ thể: bà H1 không phải tư cách là người làm chứng nhưng vẫn đưa vào tham gia vụ án. Đồng thời, bà H1 là chị em ruột của bà H nên lời khai không đảm bảo sự khách quan. Ngoài ra, việc xác định thời hiệu phải tính từ thời điểm có bản án liên quan đến số tiền này kể từ năm 2019 là đã quá thời hiệu để khởi kiện.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã không khách quan, chưa đánh giá đầy đủ chứng cứ. Biên nhận nợ bà N không biết chữ, do bà H tự ghi ra. Quá trình xét xử các bên cũng đều thừa nhận tiền bà N có là do bà K đưa.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà N sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H

** Nguyên đơn - bà Phan Thị H có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cùng trình bày:*

Xét về thời hiệu, xuất phát từ hợp đồng tranh chấp, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có nhận định tách phần tiền vay giữa bà N và bà H để dành quyền khởi kiện trong vụ án khác. Nên bà H khởi kiện vụ án này là vẫn trong thời hiệu. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, thư ký, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định. Đơn kháng cáo của bà Ngô Thị Thúy N nằm trong hạn nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm thu thập đánh là đầy đủ chứng cứ, bản án tuyên có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Ngô Thị Thúy N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

* Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Phan Thị H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là: Buộc bà Ngô Thị Thúy N phải có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị H số tiền vốn là 450.000.000đ và tiền lãi từ ngày 26/8/2005 đến ngày 26/12/2010 theo mức lãi suất 10%/năm, từ ngày 27/12/2010 đến ngày xét xử sơ

thẩm 11/10/2024 theo mức lãi suất 13,5%/năm. Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và có lợi cho bị đơn - bà Ngô Thị Thúy N nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, bà Ngô Thị Thúy N đã làm đơn kháng cáo trong hạn luật định, là hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị K có văn bản ủy quyền cho bà N và có yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vụ án vắng mặt bà K.

[2] Về nội dung:

Về kháng cáo của bà N liên quan đến thời hiệu khởi kiện: phía bị đơn thừa nhận, ngày 26/8/2005 bà Ngô Thị Thúy N có vay của bà Phan Thị K 04 lần với số tiền 490.000.000đ với lãi suất 5%/tháng. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2019/DS-ST, ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng và Bản án dân sự phúc thẩm số 400/2019/DS-PT, ngày 17/6/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, bà N thừa nhận: Trước đây bà N có thiếu bà Phan Thị K là em ruột của bà H số tiền 490.000.000đ, sau đó trả được 40.000.000đ, còn lại 450.000.000đ chưa trả và bà N đồng ý trả cho bà K số tiền 450.000.000đ còn thiếu. Bản án dân sự phúc thẩm số 400/2019/DS-PT, ngày 17/6/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực kể từ ngày 17/6/2022. Như vậy, ngày 16/8/2022, bà Phan Thị H nộp đơn khởi kiện là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn về việc áp dụng thời hiệu của Tòa án cấp sơ thẩm.

Về yêu cầu của bà Phan Thị H đòi số tiền vốn vay 450.000.000đ: Người đại diện theo ủy quyền của bà N không đồng ý trả tiền vốn và lãi cho bà H vì cho rằng không vay tiền của bà H. Tuy nhiên, lời khai của bà Ngô Thị Thúy N trong quá trình giải quyết vụ án “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”, bà N thừa nhận: Cá nhân bà N còn thiếu bà K 450.000.000đ từ ngày 26/8/2005 đến nay chưa trả và đồng ý trả tiền vốn cho bà K và yêu cầu không tính lãi do đã hết thời hiệu theo quy định của Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong khi đó, tại giấy “Biên nhận” ngày 26/8/2005 thể hiện bà N vay tiền của bà H và bà H1, không vay tiền của bà K. Tại Biên bản hòa giải ngày 20/4/2018 của Ủy ban nhân dân Phường G, thành phố S, có nội dung: Bà N thừa nhận có thiếu tiền bà H là 490.000.000đ đã trả được 40.000.000đ còn thiếu lại 450.000.000đ chưa trả. Việc bà N vay tiền của bà H phù hợp với lời khai của chính bà K và người làm chứng

là bà Mỹ H1 về việc bà H mới là người cho bà N vay tiền, bà K không cho bà N vay tiền. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định: bà Phan Thị H cho bà Ngô Thị Thúy N vay 450.000.000đ và bà N phải có nghĩa vụ hoàn trả bà H là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập về việc vay nợ giữa bà H với bà N.

Về yêu cầu tính lãi: Các bên thiết lập hợp đồng vay vào ngày 26/8/2005. Lúc này Bộ luật Dân sự năm 1995 đang có hiệu lực pháp luật. Ngày 01/01/2006, Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực. Như vậy, việc tính lãi trong thời gian từ ngày 26/8/2005 đến ngày 26/12/2010 được áp dụng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 1995 và Bộ luật Dân sự năm 2005. Lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 1995 và Bộ luật Dân sự năm 2005 là bằng nhau. Trong giai đoạn từ ngày 26/8/2005 đến ngày 26/12/2010, Ngân hàng N1 đã ban hành nhiều Quyết định quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam, mức quy định thấp nhất là 7,0%/năm, cụ thể được quy định tại Quyết định số 2024/QĐ-NHNN ngày 26/8/2009 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam. Bà H chỉ yêu cầu tính lãi trong thời gian từ ngày 26/8/2005 đến ngày 26/12/2010 với mức lãi suất là 10%/năm là đúng với các quy định pháp luật và có lợi cho phía bị đơn - bà N nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định tiền lãi trong thời gian từ ngày 26/8/2005 đến ngày 26/12/2010 (05 năm 4 tháng), tương ứng số tiền là: $450.000.000đ \times 10\%/năm \times 5 \text{ năm } 4 \text{ tháng} = 240.000.000đ$.

Về yêu cầu của bà H về việc tính lãi từ ngày 27/12/2010 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/10/2024 theo mức lãi suất là 13,5%/năm trên số tiền vốn vay là 450.000.000đ: việc tính lãi trong thời gian này được áp dụng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Bộ luật Dân sự năm 2015. Lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 là cao hơn so với lãi suất theo quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2005. Tuy nhiên, bà H chỉ yêu cầu tính lãi trong thời gian từ ngày 27/12/2010 đến ngày 11/10/2024 với mức lãi suất là 13,5%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005, là đúng với các quy định của pháp luật và có lợi cho bà N nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tính khoản tiền lãi trong thời gian từ ngày 27/12/2010 đến ngày 11/10/2024 (13 năm 9 tháng 14 ngày) tương ứng số tiền là: $450.000.000đ \times 13,5\%/năm \times 13 \text{ năm } 9 \text{ tháng } 14 \text{ ngày} = 837.657.000đ$.

Trên cơ sở đó, tổng số tiền lãi bà N phải trả cho bà H là: $240.000.000đ + 837.657.000đ = 1.077.657.000đ$.

Tổng số tiền vốn và lãi bà N phải trả cho bà H là: $450.000.000đ + 1.077.657.000đ = 1.527.657.000đ$.

Như vậy, việc giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà N kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để làm thay đổi nội dung vụ án nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà N, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Ngô Thị Thúy N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị Thúy N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2024/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H.

2. Buộc bà Ngô Thị Thúy N phải trả cho bà Phan Thị H tổng số tiền là 1.527.657.000đ (*một tỷ, năm trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng*) trong đó tiền vốn vay là 450.000.000đ (*bốn trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi là 1.077.657.000đ (*một tỷ, không trăm bảy mươi bảy triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn - bà Phan Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn - bà Ngô Thị Thúy N phải chịu 57.829.710 đ (*năm mươi bảy triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, bảy trăm mười đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm: Bà Ngô Thị Thúy N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0009004 ngày 07/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THÂM

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh

Nguyễn Văn Hùng

Bùi Thị Thu

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tối cao; (1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND tỉnh Long An; (1)
- TAND tỉnh Long An; (1)
- Cục THADS tỉnh Long An; (1)
- Những người tham gia tố tụng; (2)
- Lưu VP; HSVA; ĐTM. (6) - 13

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Thu